



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN SU
Last Middle First

Current Address: GH QUÁ ĐÔNG TIỀN NGUYEN TRI PHUONG ^{phường 20}
TP HO CHI MINH VIETNAM

Date of Birth: DEC 16 1936 Place of Birth: SAIGON VN

Previous Occupation (before 1975) CAPTAIN ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 4/75 To 1978
Years: 3 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: GEORGE QUANG NGUYEN

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>N/A</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 10-11-89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE VAN SU
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1 WIFE + 1 DAUGHTER		

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

LE VAN SU

Kép chỵ lĩ

10/20/89

LE VAN SU
(Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DEC 16 1936
h (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

(Nam): NAM

Female (Nu):

le (Doc than): Married (Co lap gia dinh): X

ADDRESS IN VIETNAM
(Dia chi tai Viet-Nam)

4 Cu Xa' Hong Tien Nguyen tri Phuong Phuong 20
Quon 10 TP Ho Chi Minh VN

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong)

If Yes (Neu co): From (Tu): 4/75 To (Den): 1978

PLACE OF RE-EDUCATION: LONG GIAO
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Cũu đai lĩy chũm lĩc VNCH

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My):

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Tai lĩy Trung Binh

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu):

Date (nam):

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X

IV Number (So ho so): 26

No (Khong):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 10 vĩa 1 con
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): LE VAN SU

4 Cu Xa' Hong Tien Nguyen tri Phuong Phuong 20 Quon 10 TP HCM VN

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

NGUYEN GEORGE QUANG

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Ban

NAME & SIGNATURE: NGUYEN GEORGE QUANG

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

Nguyen George Quang

DATE: 10 11 89
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LE VAN SU
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : DEC 16 1936
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): NAM Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : G 4 Cu Xa' Dong tien Nguyen tri Phuong Phuong 20
(Dia chi tai Viet-Nam) Quận 10 TP Hồ Chí Minh VN
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 4/75 To (Den): 1978
PLACE OF RE-EDUCATION: CONG GIAO
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep): Cán bộ lý luận VNCH
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Đại úy Công Binh
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): 26
No (Khong): _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguai di theo): Vô và 1 con
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tie
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): LE VAN SU
G 4 Cu Xa' Dong tien Nguyen tri Phuong Phuong 20 Quận 10 TP HCM VN
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi ~~Tham nhan hay~~ Nguai Bao tro):
NGUYEN GEORGE QUANG
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Ban
NAME & SIGNATURE: NGUYEN GEORGE QUANG
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguai dien don nay) _____
Nguyen George Quang
DATE: 10 11 89
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE VAN Su
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
(không biết)		WIFE
(")		DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :